

# Báo cáo thị trường tiền tệ

## Lãi suất kỳ hạn qua đêm đi ngang khi NHNN bơm thanh khoản

### NHNN đảo chiều sang bơm ròng thanh khoản

Trong tuần 42/2026 (từ ngày 12 đến 16 tháng 10), NHNN đã đảo chiều rút ròng hai tuần trước đó, quay trở lại bơm ròng thanh khoản vào hệ thống ngân hàng qua kênh nghiệp vụ thị trường mở. Cụ thể, NHNN đã phát hành 17.28 nghìn tỷ đồng qua các hợp đồng repo mới trong khi chỉ có 9.09 nghìn tỷ đồng kỳ hạn cũ đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng thanh khoản 8.19 nghìn tỷ đồng.

### Lãi suất kỳ hạn qua đêm đi ngang

Trong tuần 42/2026, diễn biến lãi suất liên ngân hàng ghi nhận sự phân hóa giữa các kỳ hạn so với tuần trước. Ở kỳ hạn siêu ngắn, áp lực thanh khoản được giải tỏa sau động thái bơm ròng của ngân hàng trung ương: lãi suất qua đêm chỉ nhích tăng nhẹ 5 đcb so với tuần trước lên mức 4.05%, trong khi lãi suất 1 tuần giảm 20 đcb xuống 4.30% và lãi suất 2 tuần đi ngang ở mức 4.50%. Ngược lại, các kỳ hạn trung và dài hơn nhích tăng: lãi suất các kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 1 năm tăng lần lượt 65 đcb, 25 đcb, 30 đcb, 35 đcb và 35 đcb so với tuần trước lên mức 5.15%, 7.50%, 8.10%, 8.20% và 8.20%. Trong khi đó, hoạt động thị trường phục hồi khi giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 3.10% so với tuần trước lên 900.47 nghìn tỷ đồng.

### USDVND tăng nhẹ

Trong tuần 42/2026, USDVND diễn biến đi ngang với xu hướng nhích nhẹ bất chấp đà sụt giảm nhẹ của đồng USD trên thị trường quốc tế. Trên thế giới, đồng bạc xanh được hỗ trợ từ số liệu lạm phát cao hơn dự báo của Mỹ và rủi ro địa chính trị tại Trung Đông, mặc dù các đà tăng này bị lu mờ bởi các tín hiệu ôn hòa từ ngân hàng trung ương vào cuối tuần. Tại thị trường trong nước, lực bán ròng liên tục của khối ngoại trên sàn HoSE tiếp tục là tác nhân chính đẩy tỷ giá USDVND nhích nhẹ, tuy nhiên đà tăng bị kiềm chế nhờ thặng dư thương mại ghi nhận trong nửa đầu tháng 10 cùng chênh lệch lãi suất VND-USD tiếp tục neo ở mức cao.

### Chỉ số kinh tế Việt Nam

|                             | T4-26 | T5-26 | T6-26 | T7-26 | T8-26 | T9-26 | Corr. |
|-----------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| FDI %n/n                    | 11.9  | 8.8   | 16.3  | 15.4  | 13.9  | 12.4  | -0.16 |
| Tổng mức bán lẻ %n/n        | 11.6  | 13.8  | 14.3  | 14.5  | 14.9  | 14.1  | -0.16 |
| Xuất khẩu %n/n              | 22.8  | 18.5  | 28.1  | 25.0  | 26.0  | 39.1  | -0.05 |
| Nhập khẩu %n/n              | 35.6  | 33.5  | 45.2  | 41.4  | 37.9  | 45.8  | 0.04  |
| Cán cân thương mại (Tỷ USD) | -4.0  | -5.2  | -2.6  | -3.6  | -0.1  | 1.3   | -0.03 |
| Chỉ số giá tiêu dùng %t/t   | 5.5   | 5.6   | 4.7   | 4.4   | 4.9   | 5.1   | -0.03 |
| Tín dụng %n/n               | 4.6   | 6.0   | 7.7   | 9.0   | 9.4   | 11.6  | -0.23 |
| USDVND %t/t                 | 0.0   | -0.2  | 0.0   | -0.1  | -0.8  | -0.4  | -0.3  |
| PMI(Điểm)                   | 50.5  | 52.8  | 51.8  | 52.9  | 53.3  | 51.9  | -0.09 |
| VNINDEX %t/t                | 10.7  | 0.5   | -0.2  | -6.7  | 5.6   | -3.5  | 1.00  |

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

<sup>1</sup> Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

### Nội dung

|                                                   |   |
|---------------------------------------------------|---|
| I. NHNN đảo chiều sang bơm ròng thanh khoản.....  | 1 |
| II. Lãi suất kỳ hạn qua đêm đi ngang .....        | 3 |
| III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ đi ngang ..... | 4 |
| IV. USDVND tăng nhẹ.....                          | 7 |
| Thống kê vĩ mô .....                              | 9 |

**Research Dept.**

researchdept@kisvn.vn

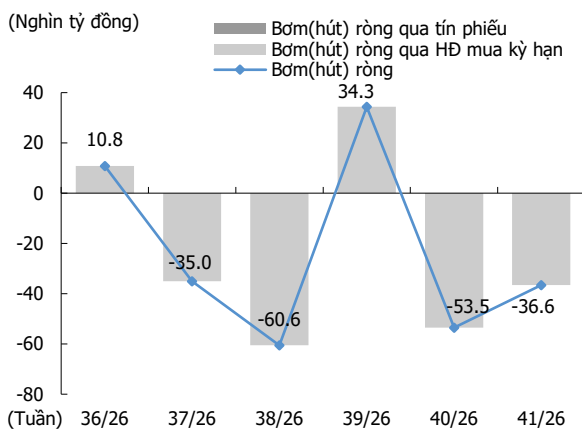
# I. NHNN đảo chiều sang bơm ròng thanh khoản

**NHNN trở lại trạng thái bơm ròng qua kênh repo cùng định hướng hạ lãi suất nhằm hỗ trợ thanh khoản hệ thống**

Trong tuần 42/2026 (từ ngày 12 đến 16 tháng 10), NHNN đã đảo chiều trạng thái rút ròng hai tuần trước đó, quay trở lại bơm ròng thanh khoản cho hệ thống ngân hàng qua kênh nghiệp vụ thị trường mở. Cụ thể, NHNN đã phát hành 17.28 nghìn tỷ đồng qua các hợp đồng mua kỳ hạn mới trong khi chỉ có 9.09 nghìn tỷ đồng kỳ hạn cũ đáo hạn, dẫn đến mức bơm ròng thanh khoản 8.19 nghìn tỷ đồng.

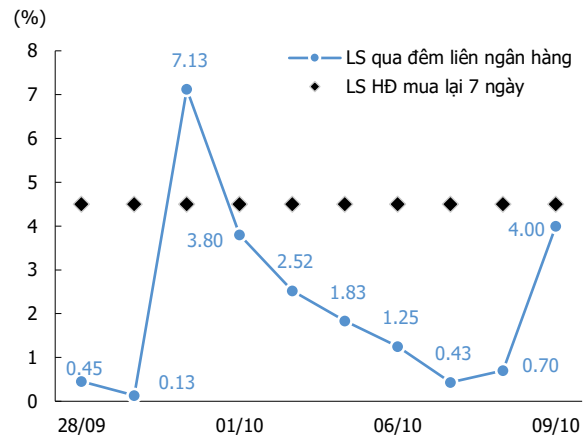
Song song với các giao dịch OMO, NHNN đã chỉ đạo các ngân hàng thương mại giảm lãi suất tiền gửi và hạ lãi suất cho vay. Động thái này được kỳ vọng sẽ kích thích cầu tín dụng và làm thắt chặt thanh khoản cục bộ của hệ thống ngân hàng, do đó việc NHNN chủ động quay lại bơm ròng đóng vai trò là nguồn lực hỗ trợ then chốt. Nhìn về phía trước, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ duy trì chính sách bơm thanh khoản linh hoạt nhằm giải tỏa áp lực vốn từ đà tăng trưởng tín dụng và đảm bảo an toàn hệ thống.

**Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng**



Nguồn: NHNN, KIS Research

**Hình 2. Hành lang lãi suất**



Nguồn: NHNN, KIS Research

**Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn**

| Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Kỳ hạn (ngày) | Giá trị (nghìn tỷ) | Lãi suất (%) |
|----------------|--------------|---------------|--------------------|--------------|
| 12/10/26       | 19/10/26     | 7             | 0.45               | 4.50         |
| 13/10/26       | 20/10/26     | 7             | 5.41               | 4.50         |
| 16/10/26       | 23/10/26     | 7             | 0.10               | 4.50         |
| Tổng           |              | 7             | 5.97               |              |

Nguồn: NHNN, KIS Research

**Hình 4. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn**

| Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Kỳ hạn (ngày) | Giá trị (nghìn tỷ) | Lãi suất (%) |
|----------------|--------------|---------------|--------------------|--------------|
| 12/10/26       | 26/10/26     | 14            | 2.72               | 4.50         |
| 13/10/26       | 27/10/26     | 14            | 4.92               | 4.50         |
| Tổng           |              | 14            | 7.64               |              |

Nguồn: NHNN, KIS Research

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn

| Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Kỳ hạn (ngày) | Giá trị (nghìn tỷ) | Lãi suất (%) |
|----------------|--------------|---------------|--------------------|--------------|
| 12/10/26       | 16/11/26     | 35            | 0.32               | 4.50         |
| 13/10/26       | 17/11/26     | 35            | 2.00               | 4.50         |
| 14/10/26       | 18/11/26     | 35            | 0.37               | 4.50         |
| 16/10/26       | 20/11/26     | 35            | 0.27               | 4.50         |
| Tổng           |              | 35            | 2.97               |              |

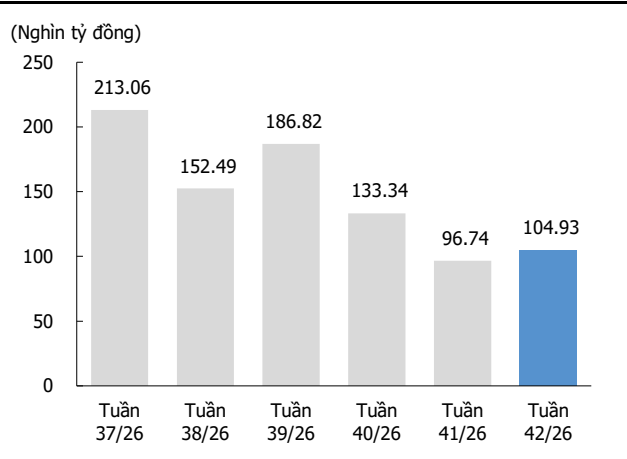
Nguồn: NHNN, KIS Research

Hình 6. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn

| Ngày phát hành | Ngày đáo hạn | Kỳ hạn (ngày) | Giá trị (nghìn tỷ) | Lãi suất (%) |
|----------------|--------------|---------------|--------------------|--------------|
| 12/10/26       | 11/01/27     | 91            | 0.10               | 4.50         |
| 14/10/26       | 13/01/27     | 91            | 0.20               | 4.50         |
| 15/10/26       | 14/01/27     | 91            | 0.13               | 4.50         |
| 16/10/26       | 15/01/27     | 91            | 0.28               | 4.50         |
| Tổng           |              | 91            | 0.71               |              |

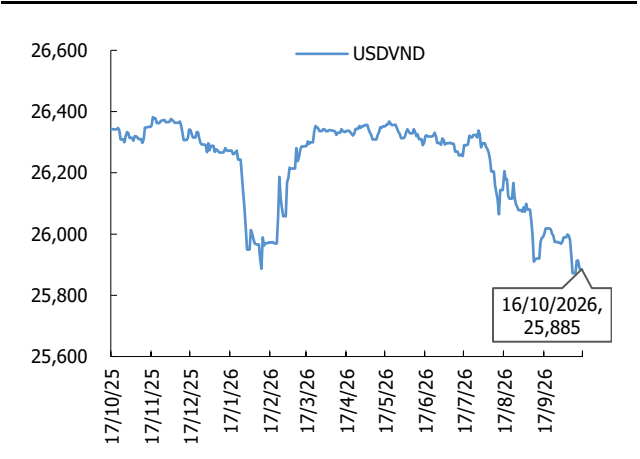
Nguồn: NHNN, KIS Research

Hình 7. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS Research

Hình 8. Diễn biến USDVND



Nguồn: NHNN, KIS Research

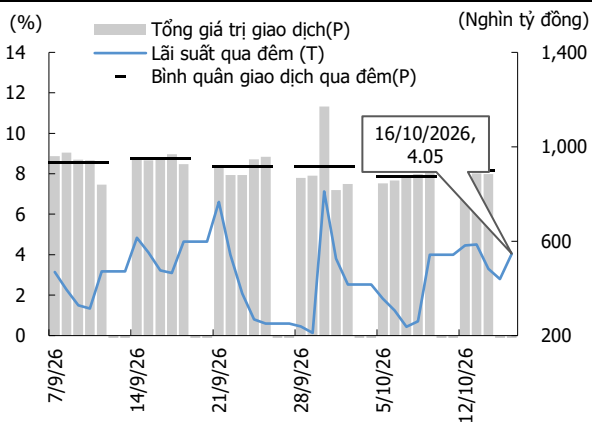
## II. Lãi suất kỳ hạn qua đêm đi ngang

**Lãi suất qua đêm và các kỳ hạn ngắn hạ nhiệt nhờ sự hỗ trợ từ OMO trong khi lãi suất kỳ hạn trung và dài nhích tăng**

Trong tuần 42/2026, diễn biến lãi suất liên ngân hàng ghi nhận sự phân hóa giữa các kỳ hạn so với tuần trước. Ở kỳ hạn siêu ngắn, áp lực thanh khoản được giải tỏa sau động thái bơm ròng của ngân hàng trung ương: lãi suất qua đêm chỉ nhích tăng nhẹ 5 đcb so với tuần trước lên mức 4.05%, trong khi lãi suất 1 tuần giảm 20 đcb xuống 4.30% và lãi suất 2 tuần đi ngang ở mức 4.50%. Ngược lại, các kỳ hạn trung và dài hơn nhích tăng: lãi suất các kỳ hạn 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và 1 năm tăng lần lượt 65 đcb, 25 đcb, 30 đcb, 35 đcb và 35 đcb so với tuần trước lên mức 5.15%, 7.50%, 8.10%, 8.20% và 8.20%. Trong khi đó, hoạt động thị trường phục hồi khi giá trị giao dịch bình quân ngày tăng 3.10% so với tuần trước lên 900.47 nghìn tỷ đồng.

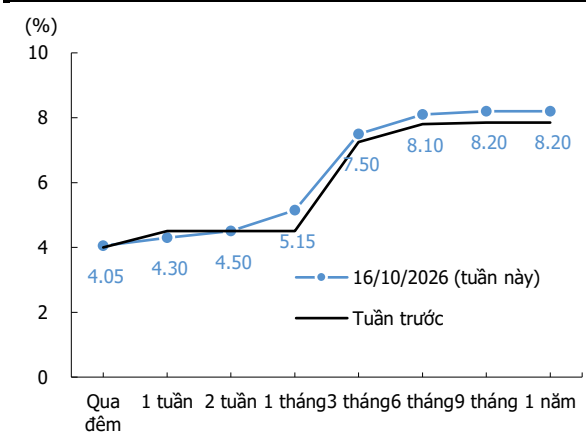
Những biến động này xác nhận rằng mặc dù các đợt bơm ròng OMO gần đây đã khống chế thành công biến động lãi suất ngắn hạn, các kỳ hạn dài hơn vẫn điều chỉnh tăng nhằm phản ánh triển vọng mở rộng tín dụng trong Quý 4. Hướng về phía trước, chúng tôi kỳ vọng lãi suất liên ngân hàng sẽ ổn định quanh mặt bằng hiện tại khi nguồn vốn hỗ trợ linh hoạt từ ngân hàng trung ương vào hệ thống ngân hàng.

**Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng**



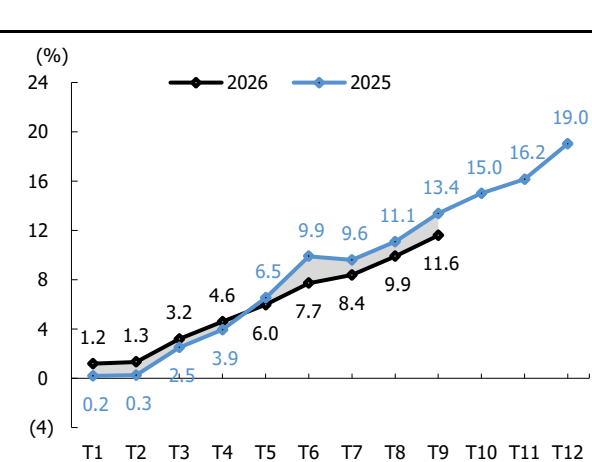
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS Research

**Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng**



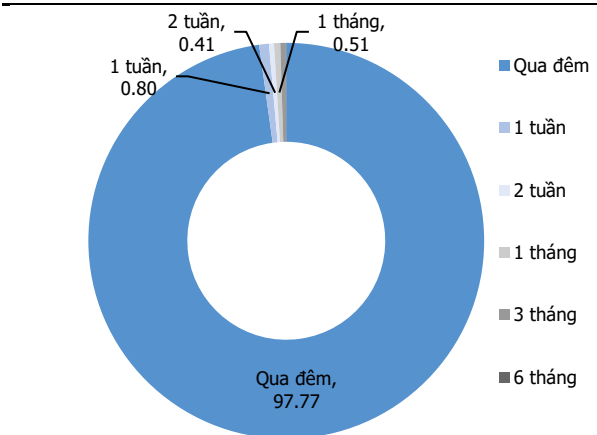
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS Research

**Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng**



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS Research  
Chú thích: Cập nhật đến ngày 20/8/2026

**Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc**



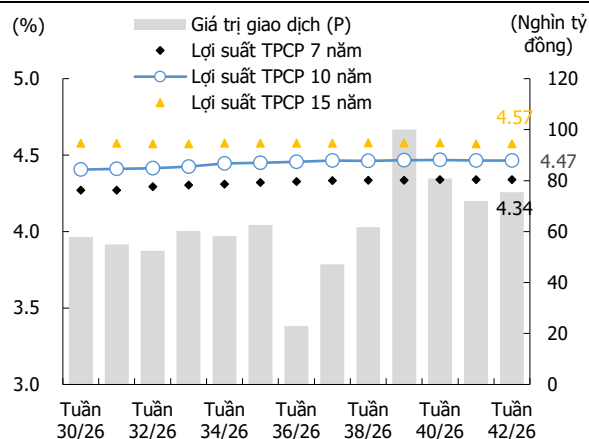
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS Research

### III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ đi ngang

#### Lợi suất trái phiếu Chính phủ neo ở mức ổn định

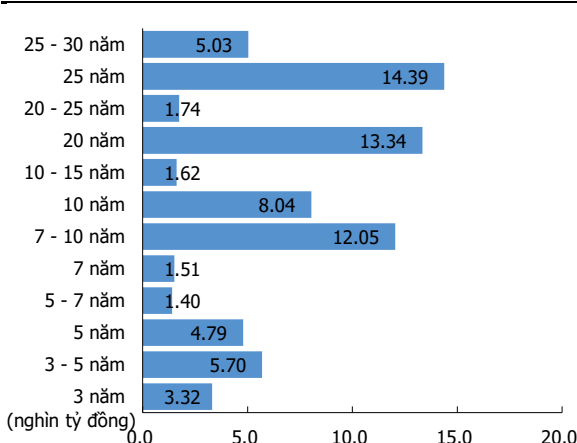
Trên thị trường thứ cấp, lợi suất TPCP đi ngang ở tất cả các kỳ hạn chủ chốt trong tuần 42/2026. Đối với các kỳ hạn giao dịch sôi động, lợi suất chuẩn kỳ hạn 10 năm tiếp tục đi ngang quanh mức 4.47%. Trong khi đó, thanh khoản trên thị trường thứ cấp nhích tăng nhẹ, với tổng giá trị giao dịch tăng 4.65% so với tuần trước lên mức 75.39 nghìn tỷ đồng, đạt bình quân 15.08 nghìn tỷ đồng mỗi phiên.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



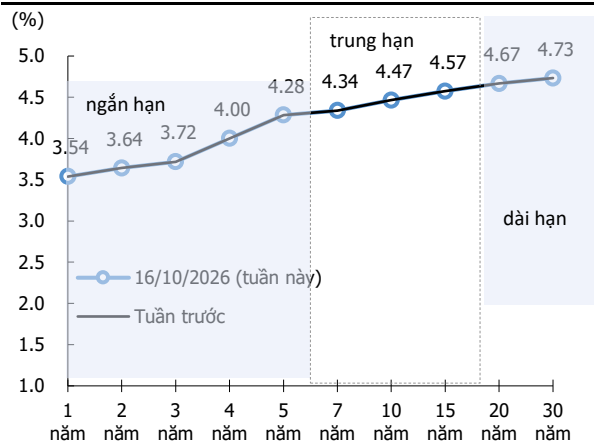
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS Research

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



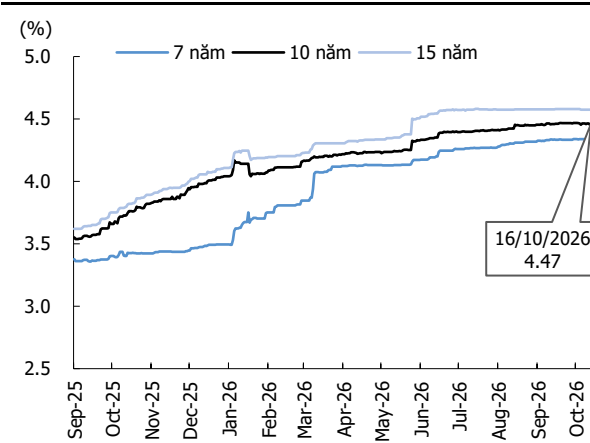
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS Research

Hình 15: Đường cong lợi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS Research

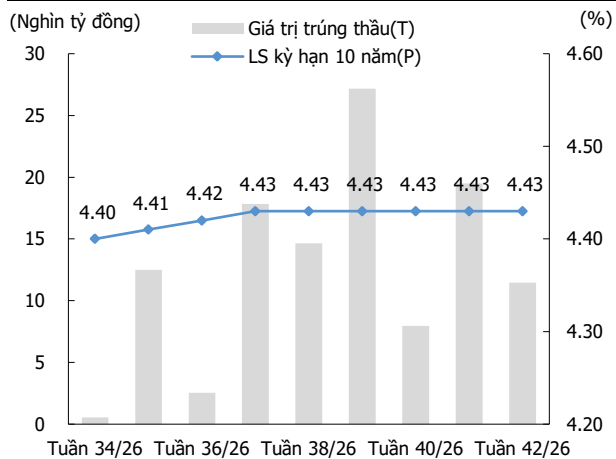
Hình 16: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS Research

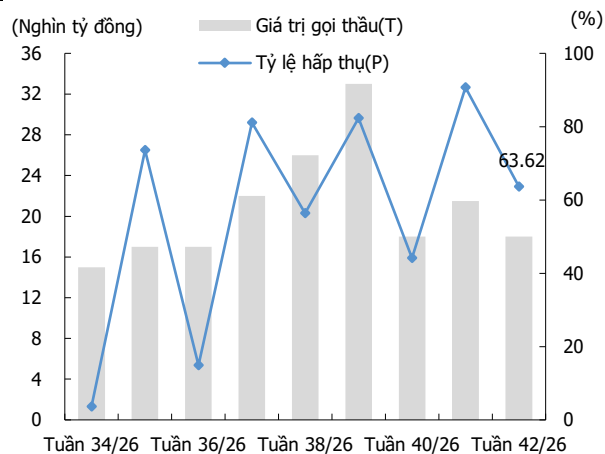
Trên thị trường sơ cấp, hoạt động đấu thầu hạ nhiệt đáng kể. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 11.45 nghìn tỷ đồng trong tuần này, giảm 41.27% so với tuần trước. Kỳ hạn 10 năm tiếp tục là trụ cột chính dẫn dắt khối lượng phát hành, với lợi suất trúng thầu duy trì vững chắc ở mức 4.43%. Đáng chú ý, KBNN đã điều chỉnh giảm kế hoạch phát hành năm 2026 từ 500 nghìn tỷ đồng xuống 400 nghìn tỷ đồng. Sau điều chỉnh này, KBNN đã hoàn thành 82.5% kế hoạch năm mới tính từ đầu năm đến nay, vượt xa mức tiến độ 53.36% ghi nhận cùng kỳ năm trước.

**Hình 17: Giá trị trúng thầu hàng tuần**



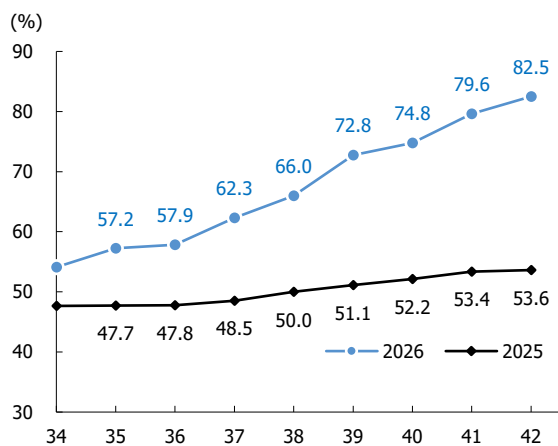
Nguồn: HNX, KIS Research

**Hình 18: Hệ số hấp thụ hàng tuần**



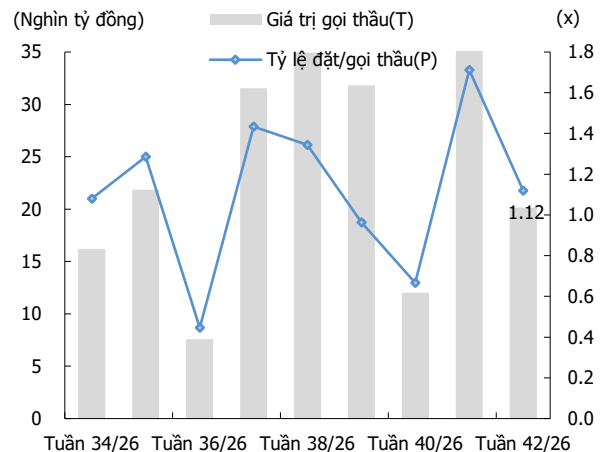
Nguồn: HNX, KIS Research

**Hình 19: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm**



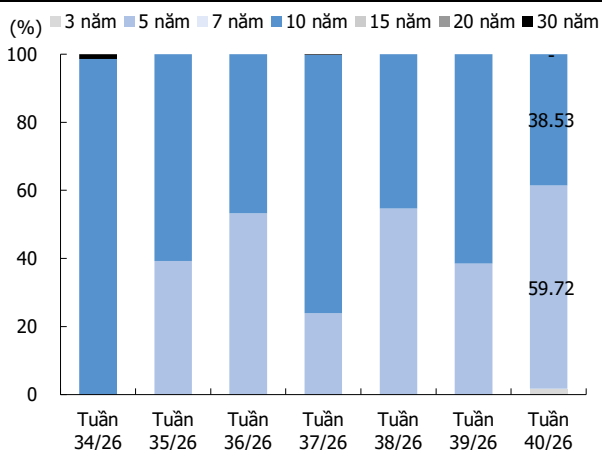
Nguồn: HNX, KIS Research

**Hình 20: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần**



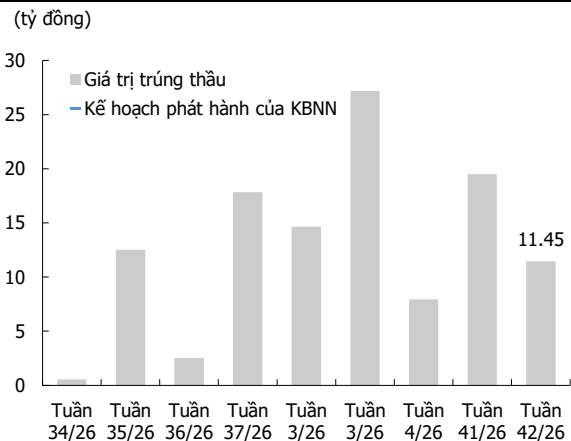
Nguồn: HNX, KIS Research

**Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần**



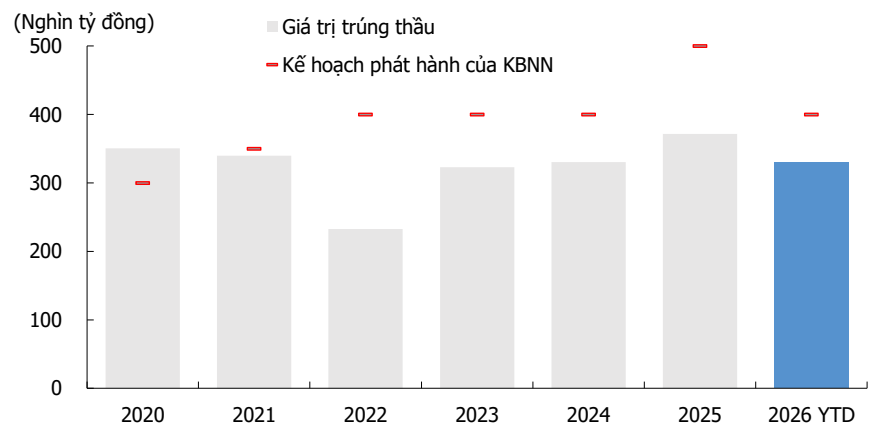
Nguồn: HNX, KIS Research

**Hình 22: Lượng TPCP phát hành hàng tuần**



Nguồn: HNX, KIS Research

**Hình 23. Lượng TPCP phát hành hàng năm**



Nguồn: HNX, KIS Research

## IV. USDVND tăng nhẹ

**USDVND nhích tăng 13 đồng lên 25,885 khi đồng USD quốc tế suy yếu nhẹ**

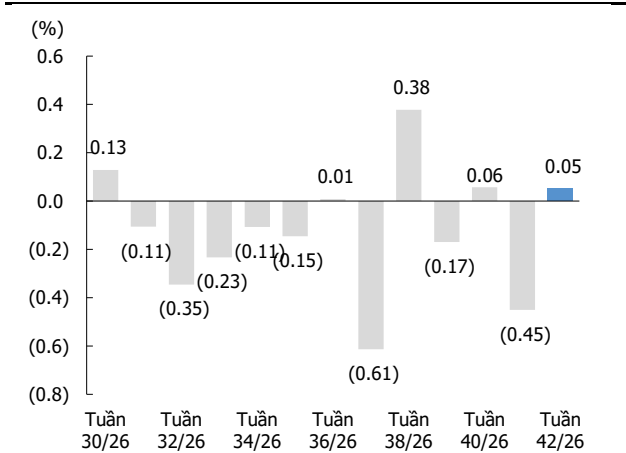
Trong tuần 42/2026, tỷ giá USDVND diễn biến đi ngang, chỉ nhích tăng nhẹ 0.05% so with tuần trước (tăng 13 đồng) lên mức đóng cửa 25,885, bất chấp đà sụt giảm nhẹ của đồng USD trên thị trường quốc tế.

Trên thế giới, chỉ số DXY giảm 0.37% WoW xuống 101.84. Cụ thể, đồng USD được sự hỗ trợ từ chỉ số CPI và PPI tháng 9 của Mỹ tăng cao hơn dự báo cùng với căng thẳng địa chính trị leo thang tại Trung Đông. Tuy nhiên, các yếu tố hỗ trợ này đã bị bù đắp bởi các tín hiệu ôn hòa từ các quan chức Fed, kéo kỳ vọng của thị trường về khả năng Fed tăng lãi suất trong tháng 10 xuống còn khoảng 16%.

Tại thị trường trong nước, đà tăng nhẹ của tỷ giá USDVND chủ yếu do lực bán ròng liên tục của khối ngoại trên sàn HoSE, đạt 3.01 nghìn tỷ đồng (chiếm 4.6% tổng giá trị giao dịch tuần của toàn sàn). Mặc dù áp lực rút vốn này đẩy tỷ giá nhích lên, mức tăng vẫn được kiểm soát tốt dưới mốc 26,000 nhờ các đệm hỗ trợ tích cực, bao gồm thặng dư thương mại ghi nhận trong nửa đầu tháng 10 và chênh lệch lãi suất VND-USD tiếp tục neo ở mức cao.

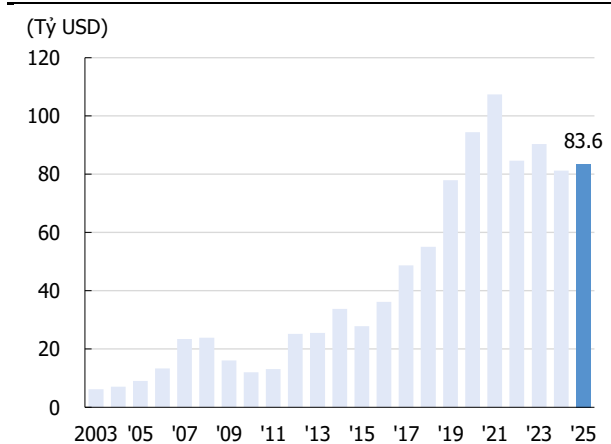
Trên thị trường bán lẻ, diễn biến phân hóa mạnh mẽ giữa các kênh: giá bán ra tại Vietcombank nhích tăng 0.04% (tăng 10 đồng) lên mức 26,080, trong khi tỷ giá trên thị trường tự do giảm 0.84% (giảm 220 đồng) xuống đóng cửa tại 25,960.

**Hình 24: Diễn biến của USDVND theo tuần**



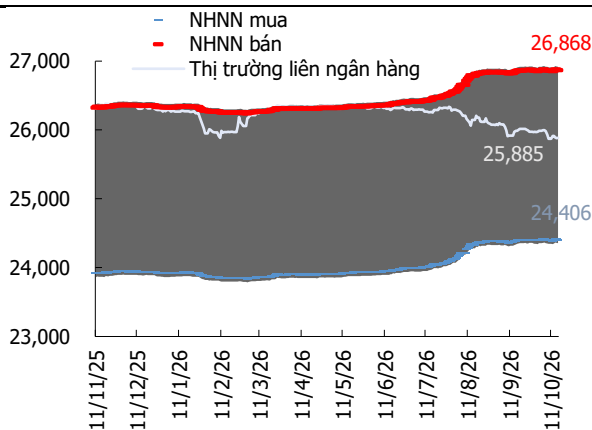
Nguồn: Bloomberg, KIS Research

**Hình 25: Dự trữ ngoại hối của Việt Nam**



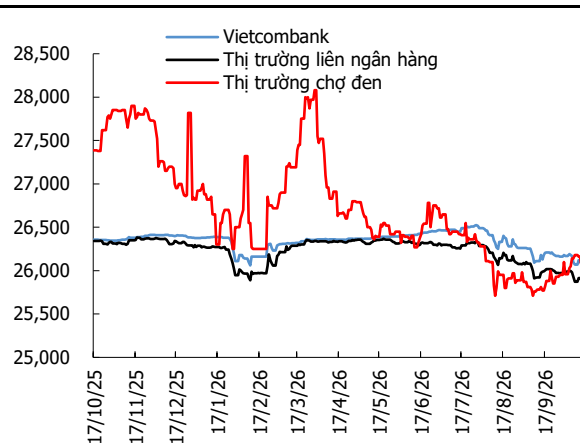
Nguồn: IMF, Bloomberg, KIS Research

Hình 26: Diễn biến giao dịch của NHNN



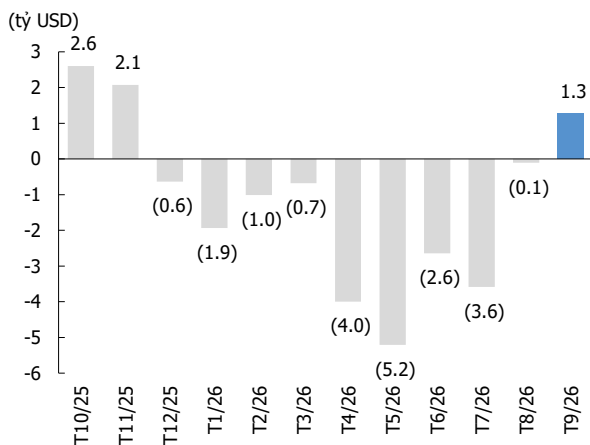
Nguồn: Bloomberg, KIS Research

Hình 27: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



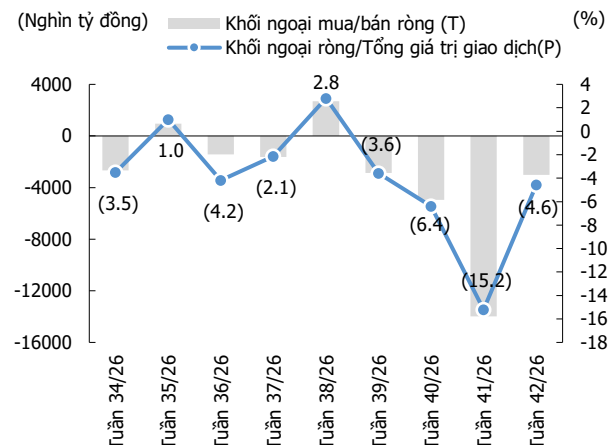
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS Research

Hình 28: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



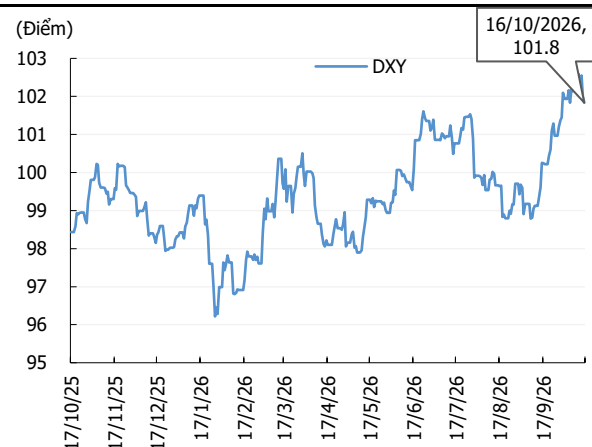
Nguồn: GSO, KIS Research  
 Chú thích: Cập nhật đến ngày 03/01/2026

Hình 29: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS Research

Hình 30: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS Research

Hình 31: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

|            |                 | 40W26 | 41W26 | 42W26 | 2026 YTD |
|------------|-----------------|-------|-------|-------|----------|
| Trung Quốc | USDCNY          | -0.10 | -0.20 | -0.09 | -4.31    |
| EU         | USDEUR          | 1.21  | 0.49  | -0.35 | 4.50     |
| Mexico     | USDMXN          | 2.72  | 1.39  | 0.40  | -10.96   |
| Việt Nam   | USDVND          | 0.06  | -0.45 | 0.05  | -1.48    |
| Canada     | USDCNY          | 0.77  | 0.04  | -0.81 | -1.98    |
| Thượng Hải | USDTWD          | 0.18  | 0.13  | 1.50  | -1.56    |
| Nhật Bản   | USDJPY          | 0.36  | 0.29  | -0.18 | 1.00     |
| Hàn Quốc   | USDKRW          | -0.78 | -0.32 | -0.70 | -7.32    |
| Thái Lan   | USDTHB          | 0.62  | -0.10 | -0.10 | 6.33     |
| DXY        | Chỉ số đồng USD | 0.95  | 0.28  | -0.37 | 3.57     |

Nguồn: SBV, Bloomberg  
 Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

**Thống kê vĩ mô**

|                          | T5-26  | T6-26  | T7-26  | T8-26  | T9-26  | 4Q25   | 1Q26   | 2Q26   | 3Q26   | 2022   | 2023   | 2024   | 2025   |
|--------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Tăng GDP thực (%)        |        |        |        |        |        | 8.46   | 7.94   | 8.39   | 9.95   | 8.54   | 4.98   | 7.04   | 8.02   |
| FDI đăng ký (USD bn)     | 6.57   | 9.84   | 3.41   | 2.57   | 9.73   | 9.88   | 15.2   | 19.45  | 15.37  | 27.72  | 36.61  | 38.23  | 38.42  |
| GDP bình quân (USD)      |        |        |        |        |        |        |        |        |        | 4,110  | 4,285  | 4,700  | 5,026  |
| Tỷ lệ thất nghiệp (%)    |        |        |        |        |        | 2.22   | 2.21   | 2.22   | 2.22   | 2.32   | 2.26   | 2.24   | 2.22   |
| Xuất khẩu (tỷ USD)       | 46.93  | 50.79  | 53.08  | 54.79  | 59.48  | 126.3  | 122.93 | 143.59 | 167.85 | 371.85 | 355.5  | 405.5  | 475.0  |
| Nhập khẩu (tỷ USD)       | 52.14  | 53.43  | 56.67  | 54.91  | 58.21  | 123.1  | 126.57 | 156.54 | 170.33 | 360.65 | 327.5  | 380.8  | 455.01 |
| Tăng trưởng XK (%)       | 18.52  | 28.09  | 24.98  | 26.01  | 39.09  | 19.96  | 19.21  | 22.53  | 30.40  | 10.61  | -4.4   | 14.3   | 17.00  |
| Tăng trưởng NK (%)       | 33.54  | 45.19  | 41.42  | 37.90  | 45.85  | 21.28  | 27.03  | 39.03  | 42.18  | 8.35   | -8.9   | 16.7   | 19.40  |
| Lạm phát (%)             | 5.60   | 4.69   | 4.45   | 4.89   | 5.08   | 3.44   | 3.51   | 5.25   | 4.80   | 3.15   | 3.25   | 3.63   | 3.31   |
| USD/VND                  | 26,313 | 26,312 | 26,296 | 26,078 | 25,968 | 26,296 | 26,342 | 26,312 | 25,968 | 23,650 | 23,784 | 25,386 | 26,296 |
| Tăng trưởng tín dụng (%) | 18.23  | 16.70  | 17.70  | 16.59  | 16.70  | 19.07  | 15.88  | 16.70  | 16.70  | 14.2   | 13.7   | 13.8   | 17.87  |
| TPCP 10 năm (%)          | 4.46   | 4.52   | 4.54   | 4.57   | 4.58   | 4.19   | 4.36   | 4.52   | 4.58   | 5.08   | 2.39   | 2.94   | 4.19   |

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

#### **VIET NAM**

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)  
KIS Vietnam Securities Corporation  
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.  
Fax: 8428 3821-6898

#### **SOUTH KOREA**

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)  
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)  
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea  
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320  
Fax: 822 3276 5681~3  
Telex: K2296

#### **NEW YORK**

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)  
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)  
Korea Investment & Securities America, Inc.  
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110  
New York, NY 10019  
Fax: 1 212 314 0699

#### **HONG KONG**

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)  
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.  
Suite 2220, Jardine House  
1 Connaught Place, Central, Hong Kong  
Fax: 852-2530-1516

#### **SINGAPORE**

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)  
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)  
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd  
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place  
Singapore 048616  
Fax: 65 6501 5617

#### **LONDON**

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)  
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.  
2nd Floor, 35-39 Moorgate  
London EC2R 6AR  
Fax: 44-207-236-4811

---

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.